

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

LÊ HỒNG GIANG

**ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH
TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 9 31 01 05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2019

—

Công trình được hoàn thành tại:
Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Người hướng dẫn khoa học:

1. TS. Trần Kim Hào
2. TS. Nguyễn trọng Lân

Phản biện 1: PGS.TS Bùi Tất Thắng

Phản biện 2: PGS.TS Đan Đức Hiệp

Phản biện 3: TS. Đặng Đức Dạm

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện họp tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương vào hồigiờ ... ngày ... tháng... năm 2019

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương
- Thư viện Quốc Gia, Hà Nội

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của nghiên cứu đề tài

Các khu kinh tế đều có chung mục đích nhằm thu hút các nguồn lực, nhằm tạo ra những cực tăng trưởng, là nơi thử nghiệm các thể chế, cơ chế, chính sách mới kỳ vọng tạo đột phá. Từ mô hình thí điểm một số cơ chế chính sách ở khu vực cửa khẩu Móng Cái (1996), Quảng Ninh đã đẩy nhanh phát triển mô hình khu kinh tế. Tuy nhiên, các khu kinh tế ở Quảng Ninh nói riêng, cả nước nói chung chưa đạt được thành công như mong đợi.

Đề các khu kinh tế của tỉnh Quảng Ninh đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cần thiết phải có mô hình khu kinh tế phù hợp. Vì vậy, chủ đề: ***“Đổi mới mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong hội nhập kinh tế quốc tế”*** được nghiên cứu sinh lựa chọn làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ, chuyên ngành Kinh tế phát triển tại Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (CIEM).

2. Mục đích, ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài luận án

Việc nghiên cứu đề tài luận án nhằm xây dựng khung lý thuyết cơ bản để luận giải các yếu tố tác động đến mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn một địa phương cấp tỉnh. Từ đó đưa ra các phương hướng, quan điểm và đề xuất các giải pháp đổi mới mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Theo cách tiếp cận của chuyên ngành kinh tế phát triển, luận án tập trung nghiên cứu, có những đóng góp tri thức mới: (1) *Về lý luận*: Nghiên cứu về mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn một địa phương cấp tỉnh trong hội nhập kinh tế quốc tế. (2) *Về thực tiễn*: Nghiên cứu tổng hợp thực tiễn quá trình triển khai mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong hội nhập kinh tế quốc tế. Nêu một số đề xuất, kiến nghị đổi mới mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Kết cấu của luận án

Nội dung chính gồm 4 chương: CHƯƠNG 1: Tổng quan các công trình đã nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án. CHƯƠNG 2: Cơ sở lý luận về đổi mới

mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn một địa phương cấp tỉnh trong hội nhập kinh tế quốc tế. **CHƯƠNG 3:** Nghiên cứu về thực trạng phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. **CHƯƠNG 4:** Đổi mới mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong hội nhập kinh tế quốc tế.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU VỀ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố có liên quan đến mô hình phát triển khu kinh tế

1.1.1. Tổng quan các nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài

Jong Cheol Lee, (2014), *Những thách thức và kinh nghiệm xây dựng và phát triển khu kinh tế tự do Incheon (Hàn Quốc)*, [37], nghiên cứu phân tích tổng quan về khu kinh tế Incheon; nêu bật những đặc điểm tự nhiên, hạ tầng, nguồn nhân lực, tài chính, khoa học công nghệ... Đại học Thâm Quyển (2014), *Kinh nghiệm phát triển thành công mô hình đặc khu kinh tế Trung Quốc – Sáng tạo trong cải cách tài chính Thâm Quyển*, [45], đề cập chủ yếu đến ngành tài chính, lý giải sự phát triển của Thâm Quyển. Farole, T. và G. Akinci, Ngân hàng Thế giới, (2011), *Special Economic Zones: Progress, Emerging Challenges, and Future Directions*, [59], đã nêu các vấn đề về thu hút đầu tư và tạo việc làm, nêu bài học kinh nghiệm từ Bangladesh, Honduras, Châu Mỹ, Trung Quốc, Singapore.... Nguyễn Đạt Chí (2014), *Thực hiện chuyển đổi chiến lược mô hình phát triển kinh tế từ hướng ngoại sang mở cửa*, [12], đã phân tích về mô hình kinh tế mở cửa là một thể chế áp dụng để tham gia vào sự phân công, cạnh tranh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa nền kinh tế.

1.1.2. Tổng quan các nghiên cứu đã công bố ở trong nước

Bộ Công thương (2013), *Phát triển khu kinh tế cửa khẩu ở Việt Nam*, [4], tổng quan tình hình hoạt động hiện nay của các khu kinh tế cửa khẩu và thương mại biên giới... Võ Đại Lược (2010), *Nghiên cứu về khu kinh tế đặc biệt*, [38] Nghiên cứu về phát triển các khu kinh tế mở trên thế giới trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Nguyễn Xuân Thắng (2014), *Vấn đề xây dựng đặc khu kinh tế trong thời đại toàn cầu hóa*, [51], đã nêu tổng quan vấn đề xây dựng đặc khu kinh

tế, phân tích yếu tố cốt lõi trong phát triển khu kinh tế. Bùi Tất Thắng (2014), *Vấn đề xây dựng đặc khu kinh tế*, [45], Phân tích những đặc điểm chủ yếu của các khu kinh tế thành công, đề cập đến những bài học kinh nghiệm các đặc khu kinh tế trên thế giới; kiến nghị chính sách khu kinh tế ở Việt Nam. Huỳnh Thế Du, Đinh Công Khải, Huỳnh Trung Dũng, Hoàng Văn Thắng, Nguyễn Thị Hồng Nhung (2017), *Từ khu kinh tế đến phát triển và liên kết vùng: tạo đột phá thể chế*, [21]: đã đề cập đến các vấn đề về thể chế phát triển khu kinh tế, những tồn tại và thách thức; đề xuất chính sách cho Việt Nam.

1.1.3. Tổng hợp đánh giá những vấn đề chưa được giải quyết (khoảng trống) và một số vấn đề luận án tập trung nghiên cứu giải quyết

Mỗi đề tài, mỗi công trình nghiên cứu, mỗi bài viết có những góc độ tiếp cận khác nhau. Nhưng: (1) chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện, hệ thống về phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. (2) những kiến nghị về chính sách mới chỉ dừng lại ở việc nêu lên những quan điểm định tính, đề xuất, kiến nghị những giải pháp chung. (3) những nghiên cứu phần nhiều mang tính ứng dụng thực tiễn hơn là tổng kết thực tiễn để xây dựng khung lý thuyết hoặc thiết kế mô hình. (4) Chưa có nghiên cứu mô hình phát triển khu kinh tế cho một tỉnh như Quảng Ninh. (5) Đánh giá các yếu tố tác động đến mô hình khu kinh tế thì chưa có những đánh giá mang tính toàn diện.

Từ đó, những vấn đề đặt ra mà luận án tập trung giải quyết: (1) Hệ thống hóa, luận giải, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về mô hình phát triển khu kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế, (2) Phân tích và đánh giá thực trạng tình hình phát triển các khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh: (3) Đề xuất định hướng phát triển, mô hình và phương thức thúc đẩy, giải pháp phát triển khu kinh tế tỉnh Quảng Ninh trong hội nhập kinh tế quốc tế.

1.2. Phương hướng giải quyết các vấn đề nghiên cứu của luận án

1.2.1. Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu của đề tài luận án

Mục tiêu nghiên cứu tổng quát: Xây dựng khung lý thuyết và các giải pháp đổi mới mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong hội nhập kinh tế quốc tế. *Mục tiêu nghiên cứu cụ thể:* (1) Hệ thống và góp phần

hoàn thiện cơ sở lý luận về khu kinh tế, mô hình phát triển khu kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế; (2) Đánh giá thực trạng mô hình phát triển các khu kinh tế trên địa bàn Quảng Ninh; (3) Khung lý thuyết, quan điểm, giải pháp đổi mới mô hình phát triển khu kinh tế để nâng cao hiệu quả hoạt động khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong hội nhập kinh tế quốc tế; (4) Một số kiến nghị.

Câu hỏi nghiên cứu: (1) Những yếu tố cấu thành và tác động đến mô hình phát triển khu kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế ? (2) Vai trò và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến mô hình phát triển khu kinh tế tại một địa phương cấp tỉnh như tỉnh Quảng Ninh như thế nào ? (3) Tác động của yếu tố hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay đến phát triển khu kinh tế (4) Mô hình với các yếu tố nào phù hợp để đổi mới mô hình phát triển khu kinh tế cho Quảng Ninh ? (5) Những giải pháp và đề xuất, kiến nghị cần thiết cho các cơ quan nhà nước ?

1.2.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài luận án

1.2.2.1. Đối tượng nghiên cứu: Đổi mới mô hình mới phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

1.2.2.2. Phạm vi nghiên cứu: không gian nghiên cứu gồm 04 khu kinh tế của tỉnh Quảng Ninh: Vân Đồn, Móng Cái, Hải Hà (Bắc Phong Sinh), Bình Liêu (Hoành Mô - Đồng Văn). Thời gian đánh giá quá trình phát triển khu kinh tế từ khi triển khai cho đến năm 2018, trọng tâm 5 năm gần đây (2013 - 2018); đề xuất định hướng đến 2030. Giới hạn nội dung: bài học kinh nghiệm trong nước và ngoài nước; đặt trong tổng thể hệ thống chính trị và không gian phát triển kinh tế, xã hội, đối ngoại của Việt Nam.

1.2.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

1.2.3.1. Cách tiếp cận: kết hợp giữa phát triển tiệm tiến và đột phá. Nghiên cứu có hệ thống các vấn đề về lý luận về mô hình phát triển khu kinh tế để làm rõ hơn khung lý thuyết; nghiên cứu những kinh nghiệm thực tiễn trong và ngoài nước, tổng hợp và đánh giá tình hình thực tế tại tỉnh Quảng Ninh; các đề xuất dựa trên cơ sở phân tích lý luận và thực trạng.

1.2.3.2. Phương pháp nghiên cứu: (1) *Phương pháp thống kê:* qua thu thập các tài liệu sơ cấp,... *kết hợp nghiên cứu tại bàn để tập hợp*, xử lý dữ liệu

liên quan đến tình hình phát triển các khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. (2) *Phương pháp điều tra, khảo sát và phỏng vấn thực tế.* (3) *Phương pháp chuyên gia:* thu thập thông tin, tài liệu và nhận các ý kiến đóng góp từ các chuyên gia, các nhà khoa học,... (4) *Phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp.*

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN MỘT ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

2.1. Khu kinh tế và mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn một địa phương cấp tỉnh trong hội nhập kinh tế quốc tế

2.1.1. Khu kinh tế và vai trò của khu kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn một địa phương cấp tỉnh

2.1.1.1. Khái niệm khu kinh tế

Trong luận án, “Khu kinh tế” được hiểu là khu vực có không gian kinh tế riêng biệt, ranh giới địa lý xác định, môi trường đầu tư và kinh doanh đặc biệt thuận lợi cho các nhà đầu tư, được Nhà nước cho phép xây dựng và phát triển, vận hành bởi khung pháp lý có tính ưu đãi, mở cửa theo các thông lệ quốc tế.

2.1.1.2. *Ý nghĩa của việc thành lập khu kinh tế:* (1) Làm cơ sở để đổi mới chính sách vĩ mô. (2) Áp dụng các mô hình, động lực mới cho phát triển kinh tế. (3) Phát triển sản xuất, tạo ra những sản phẩm có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao; mở rộng thị trường. (4) Tạo việc làm, thúc đẩy việc đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. (5) Khai thác lợi thế để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2.1.1.3. *Vai trò của khu kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn một địa phương cấp tỉnh:* (1) Thu hút đầu tư, nhất là đầu tư trực tiếp nước ngoài; (2) Phát triển cơ sở hạ tầng; (3) Hỗ trợ cho chiến lược cải cách kinh tế rộng lớn hơn; (4) Là phòng “thí nghiệm” cho các chính sách và cách tiếp cận mới; (5) Giải tỏa một phần áp lực của tăng dân số và nhu cầu việc làm.

2.1.1.4. *Đặc điểm chung của khu kinh tế:* (1) khu vực có không gian kinh tế riêng biệt, ranh giới địa lý xác định, được cho phép xây dựng, môi trường đầu tư và kinh doanh đặc biệt thuận lợi (2) được tổ chức thành các khu chức năng phù hợp với đặc điểm của từng khu kinh tế. (3) Vị trí địa lý thuận lợi hội tụ được

những yếu tố phát triển cơ bản. (4) Huy động nguồn lực đầu tư và phát triển sản xuất, góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm, tạo thu nhập, đào tạo nguồn nhân lực. (5) đầu tư và phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật mang lại hiệu quả tích cực cho sự phát triển của khu vực và cả nước. (6) phương tiện hữu hiệu, một trong những yếu tố chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương.

2.1.1.5. Một số tiêu chí lựa chọn ban đầu để đề xuất hình thành khu kinh tế: vị trí địa chiến lược; cơ sở hạ tầng thuận lợi; điều kiện về phát triển các nguồn lực; điều kiện hoặc tiềm năng phát triển hạ tầng.

2.1.2. Mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn một địa phương cấp tỉnh

2.1.2.1. Các dạng thức, khung khổ hình thành và phát triển khu kinh tế

(1) Theo cách tiếp cận mục tiêu thì KKT có 3 dạng thức: *KKT có tính chất thương mại; KKT có tính chất công nghiệp; KKT có tính chất tổng hợp.*

(2) Theo mô hình quản lý và phát triển khu kinh tế được phân loại: *Đặc khu kinh tế hay còn gọi là khu kinh tế đặc biệt, Khu bảo thuế, Khu chế xuất, Khu kinh tế cửa khẩu, Khu kinh tế biển hoặc ven biển, Khu kinh tế mở.*

(3) Những dạng thức khu kinh tế này có những điểm chung: (i) *Về không gian:* thành lập trên cơ sở đặc biệt về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý kinh tế thuận lợi. (ii) *Về quy hoạch phát triển kinh tế đối ngoại:* KKT được chia thành khu phi thuế quan và khu thuế quan. (iii) *Về lĩnh vực đầu tư:* KKT cho phép đầu tư đa ngành, đa lĩnh vực, nhưng có mục tiêu trọng tâm. (iv) *Tính kết nối, lan tỏa:* KKT tác động lên hoạt động kinh tế - xã hội ở quy mô cấp hoặc vùng lãnh thổ. (v) *Tính đồng bộ, nội tại:* có quy hoạch, có sự liên kết đồng bộ, cân đối trong tổng thể hợp lý của địa phương và của vùng. (vi) *Tính tiên phong, định hướng:* nơi thí điểm các thể chế mới, là những cực tăng trưởng.

2.1.2.3. Mô hình phát triển khu kinh tế theo không gian lãnh thổ: Mô hình đường thẳng, Mô hình dẻ quạt, Mô hình lan tỏa.

2.1.2.3. Mô hình phát triển khu kinh tế xét dưới góc độ cách thức quản lý:

(1) quản lý của nhà nước và chính quyền địa phương đối với KKT; (2) quản trị của doanh nghiệp; (3) mô hình quản lý phối hợp nhà nước - tư nhân.

2.1.3. Một số lý thuyết liên quan đến mô hình phát triển khu kinh tế

Tính hiệu quả kinh tế theo quy mô: Nền tảng của dòng lý thuyết về KKT, chỉ rõ quy luật quy mô càng tăng thì hiệu suất kinh tế giảm dần – hiệu suất giảm dần do quy mô.

Hiệu suất kinh tế tăng dần theo quy mô: Chính sự “tập trung về mặt không gian” đã tạo nên những dạng thức bố trí hoạt động kinh tế như các thành phố, các cụm ngành nghề, chuỗi công nghiệp, khu kinh tế và các trung tâm sản xuất, trung tâm việc làm.

Lý thuyết Thương mại Mới: cùng với Lý thuyết Lợi thế cạnh tranh quốc gia (Michael Porter tiên phong) nghiên cứu phân tích về “hiệu quả kinh tế theo quy mô”, chỉ ra “hiệu suất theo quy mô” có thể tăng dần theo quy mô.

Lý thuyết Địa lý Kinh tế Mới của Paul Krugman (Mỹ - 1991): tập trung kinh tế là điều kiện cần thiết để tạo dựng và phát huy hiệu quả kinh tế tăng dần theo quy mô, là động lực quyết định hình thành không gian tập trung kinh tế.

2.1.4. Hội nhập kinh tế quốc tế và những yêu cầu đặt ra đối mới mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn một địa phương cấp tỉnh

2.1.4.1. Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế

Hội nhập kinh tế quốc tế là một trong những hình thức của “Hội nhập quốc tế”. Hội nhập kinh tế quốc tế được hiểu chung nhất là sự gắn kết nền kinh tế của mỗi quốc gia vào các tổ chức hợp tác kinh tế khu vực và toàn cầu...

2.1.3.2. Tính tất yếu của hội nhập kinh tế quốc tế

Trong tiến trình của xã hội, sự phát triển vượt bậc của các lực lượng sản xuất cùng với sự ra đời của các nền kinh tế thị trường đã thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình liên kết, hợp tác giữa các quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành một xu thế lớn của thế giới hiện nay.

2.1.3.3. Ý nghĩa của hội nhập kinh tế quốc tế

Nhằm hình thành một tập hợp khu vực để thúc đẩy sản xuất, mở rộng thị trường cho sản phẩm dịch vụ; nhằm giải quyết các vấn đề chủ yếu: cắt giảm thuế quan, hàng rào phi thuế quan; giảm bớt các hạn chế đối với dịch vụ; giảm bớt các trở ngại đầu tư quốc tế; điều chỉnh các chính sách thương mại; triển khai các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế...

2.1.3.4. Bản chất của hội nhập kinh tế quốc tế

(1) sự đan xen, gắn bó và phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế, vừa là quá trình hợp tác cùng phát triển, vừa giải quyết các mâu thuẫn; (2) quá trình xóa bỏ các rào cản về thương mại và đầu tư; (3) tạo điều kiện thuận lợi mới cho các doanh nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh; (4) Tạo thuận lợi thực hiện cải cách, cũng là yêu cầu đổi mới và hoàn thiện thể chế kinh tế, (5) tạo dựng các nhân tố và điều kiện mới cho sự phát triển (6) khơi thông nguồn lực trong và ngoài nước; mở rộng thị trường, chuyển giao công nghệ và các kinh nghiệm quản lý.

2.1.3.5. Các mức độ của hội nhập kinh tế quốc tế

(1) Thỏa thuận thương mại ưu đãi (PTA); (2) Khu vực mậu dịch tự do (FTA); (3) Liên minh thuế quan (CU); (4) Thị trường chung (hay thị trường duy nhất); (5) Liên minh kinh tế - tiền tệ.

2.2. Nội dung và phương thức phát triển mô hình khu kinh tế trên địa bàn một địa phương cấp tỉnh

2.2.1. Nội dung phát triển mô hình khu kinh tế trên địa bàn một địa phương cấp tỉnh

Việc xây dựng mô hình phát triển khu kinh tế như thế nào phụ thuộc vào mục tiêu đặt ra để phát triển khu kinh tế. Các mục tiêu trụ cột đề xuất: (1) Phát huy, khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh, các nguồn lực của địa phương; (2) Thu hút các nguồn lực đầu tư, tiếp thu khoa học công nghệ, tận dụng hiệu quả phân công lao động quốc tế; (3) Nhân tố kích thích, xúc tác, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương theo hướng bền vững, hội nhập; (4) Tạo việc làm, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao đời sống nhân dân; (5) Tham gia sâu vào tiến trình hội nhập, thích ứng với xu hướng tự do hoá; thúc đẩy quá trình tăng trưởng xanh, kinh tế xanh, xanh hoá sản xuất; (6) Gắn với các yếu tố của thời đại, đi đầu tiếp thu thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0.

2.2.2. Phương thức xây dựng và đổi mới mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn một địa phương cấp tỉnh

Xây dựng và đổi mới mô hình phát triển khu kinh tế đáp ứng yêu cầu thực tiễn khách quan. Hai phương thức xây dựng và đổi mới chủ yếu là: (1) *Xây dựng*

một mô hình mới phát triển khu kinh tế nhằm tạo ra thể chế phát triển vượt trội, (2) Chuyển đổi, nâng cấp mô hình hiện nay nhưng phải tạo ra cấu trúc mới nhằm tạo ra sự đổi mới. Theo tình hình thực tế, địa phương cấp tỉnh lựa chọn phương thức đổi mới mô hình phát triển khu kinh tế cho phù hợp.

2.3. Các yếu tố tác động đến kiến tạo và thúc đẩy mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn một địa phương cấp tỉnh

Đến nay, chưa có một nghiên cứu nào đánh giá đầy đủ về nội hàm các yếu tố tác động đến kiến tạo mô hình phát triển KKT. Trên cơ sở khái niệm và các nghiên cứu ở những phần trên của luận án, những yếu tố tác động cụ thể được xác định gồm: Thể chế; Lãnh đạo, chỉ đạo; Tổ chức bộ máy; Điều kiện tự nhiên; Xây dựng và triển khai các quy hoạch; Cải cách thủ tục hành chính; Cơ sở hạ tầng; Nguồn nhân lực; Thu hút đầu tư; Phát triển kinh tế; Văn hoá, xã hội; Khoa học công nghệ; Môi trường; Hợp tác quốc tế; Quốc phòng an ninh.

2.4. Kinh nghiệm quốc tế và trong nước

2.4.1. Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới

Tổng hợp các nghiên cứu quốc tế gần đây và kinh nghiệm phát triển trên thế giới 30 năm qua cho thấy sự thành công của các KKT thường gắn liền với các yếu tố: (1) Vị trí địa kinh tế, chính trị chiến lược, đặc trưng, đặc biệt và điều kiện tự nhiên thuận lợi. (2) Quyết tâm đổi mới, tư tưởng cải cách, dám xông pha, dám thử nghiệm. (3) Mạnh dạn thí điểm, vừa thực hiện, vừa bổ sung hoàn thiện thể chế, cơ chế. (4) Phải có thể chế vượt trội, đủ mạnh và ổn định, được trao quyền tự chủ cao. (5) Có cơ chế chính sách cạnh tranh toàn cầu. (6) Chi phí đầu vào sản xuất thấp và quy định linh hoạt về việc làm. (7) Hỗ trợ ban đầu của Chính phủ cho phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực; Liên kết hợp tác chặt chẽ giữa nhà nước - tư nhân. (8) Bộ máy hành chính tinh gọn, hiệu quả; thủ tục hành chính đơn giản, minh bạch và công khai. Kịp thời giải quyết những thách thức, khó khăn. (9) Xác định loại hình và mục tiêu phát triển KKT rõ ràng và hướng tới những ngành, những đối tác chiến lược cụ thể.

Bên cạnh những thành công, còn yếu tố không thành công của các KKT trên thế giới là: (1) Các chính sách và đặc quyền trong các KKT bị hạn chế (2)

thiếu điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng(3) Thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp; chi phí rất cao cho cơ sở hạ tầng. (3) Mô hình tổ chức hành chính không tinh gọn, ưu việt. (4) Chính phủ không chủ động trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư. (5) Các công ty đối mặt với các quy định phức tạp, chi phí cao cho cơ sở hạ tầng, quy định hạn chế về lao động.

2.4.2. Kinh nghiệm trong nước về phát triển khu kinh tế và bài học cho tỉnh Quảng Ninh

2.4.2.1. Tổng quan

Xuất phát từ công cuộc đổi mới, nước ta đã triển khai xây dựng và phát triển các mô hình khu kinh tế. Đến nay, trên toàn quốc đã có 16 KKT ven biển, 28 KKT cửa khẩu được thành lập:

- Về quy hoạch và thành lập KKT: (1) Khu kinh tế cửa khẩu: cả nước có 28 KKTCK với tổng diện tích hơn 660 nghìn ha trên 21 trong tổng số 25 tỉnh biên giới đất liền. (2) Khu kinh tế ven biển: có 16 KKT được thành lập, tổng diện tích mặt đất và mặt nước biển gần 815 nghìn ha.

- Về kết quả hoạt động của các KKT đến năm 2018: (1) Khu kinh tế ven biển: thu hút được gần 2.000 dự án đầu tư, trong đó có một số dự án lớn như nhà máy lọc dầu Dung Quất, các nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn và Vũng Áng, cảng Vân Phong, cảng hàng không Vân Đồn... đóng góp rất tích cực vào tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu, tăng thu ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm. (2) Khu kinh tế cửa khẩu: vai trò quan trọng trong quá trình phát triển, thu hút đầu tư, mở rộng thị trường, kích thích sản xuất và tăng tính cạnh tranh hàng hóa; mở rộng quan hệ, củng cố tình hữu nghị với các nước láng giềng.

2.4.2.2. Về mô hình phát triển khu kinh tế

Các mô hình KKT của Việt Nam hướng tới phát triển các ngành, lĩnh vực khác nhau nhưng đều được xây dựng dựa trên nguyên tắc phát huy các lợi thế về quy mô, hình thành các khu sản xuất tập trung (cluster).

Về mô hình phát triển theo mục tiêu, các khu kinh tế ở nước ta đều xác định mục tiêu khai thác tối đa tiềm năng thế mạnh của địa phương, tạo nên cực tăng trưởng làm động lực phát triển cho địa phương khu vực. Mô hình phát triển khu

kinh tế theo ngành nghề dựa trên phát triển đa ngành, trọng tâm là công nghiệp, dịch vụ. *Về mô hình quản lý các khu kinh tế*: được xây dựng thống nhất từ trung ương đến địa phương, theo hướng tăng cường phân cấp, ủy quyền giữa bộ, ngành, UBND cấp tỉnh cho Ban Quản lý KKT (theo mô hình quản lý 3 cấp).

2.4.2.3. Bài học cho tỉnh Quảng Ninh

Bài học thành công: Các KKT đã góp phần vào đổi mới môi trường đầu tư, kinh doanh; thu hút được lượng vốn lớn đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật và sản xuất kinh doanh (từ khu vực tư nhân, đầu tư nước ngoài chiếm khoảng gần 90% tổng vốn đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trong đó 3,48 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài); thúc đẩy phát triển sản xuất, hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực; đóng góp phát triển kinh tế- xã hội.

Nguyên nhân thành công: (1) Có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao và sự hỗ trợ của Nhà nước; sự chủ động, quyết liệt của chính quyền và nhân dân; vận dụng sáng tạo các chủ trương đường lối vào thực tiễn và phù hợp với xu thế phát triển của thế giới. (2) Quy hoạch và lựa chọn địa điểm phù hợp. (3) Biết vận dụng kinh nghiệm thành công trong và ngoài nước. (4) Tích cực cải thiện môi trường đầu tư và xúc tiến đầu tư có hiệu quả; (5) Có chính sách đào tạo và thu hút nguồn nhân lực hấp dẫn, cạnh tranh.

Hạn chế, yếu kém: (1) Các KKT thiếu quy hoạch chiến lược nên còn dàn trải, chia cắt, manh mún và chậm xác định thứ tự ưu tiên nên nhiều khu hoạt động có hiệu quả thấp. (2) Kết cấu hạ tầng còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. (3) Chưa thu hút được nhà đầu tư chiến lược về khoa học công nghệ, tài chính và trình độ quản lý. (4) Nguồn nhân lực chưa đáp ứng kịp thời với yêu cầu của các nhà đầu tư. (5) Môi trường đầu tư chưa thực sự hấp dẫn; thủ tục hành chính còn rườm rà.

Nguyên nhân chưa thành công: (1) Chưa giải quyết được căn bản mâu thuẫn giữa phát triển quan hệ sản xuất (2) Đổi mới không đồng bộ, mới tập trung đổi mới kinh tế, chưa chú trọng đổi mới hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy. (3) Thể chế chưa đủ mạnh (chưa có Luật). (4) Cơ chế chính sách để thu hút mọi nguồn lực chưa đủ sức cạnh tranh ở cấp khu vực và quốc tế. (5) Mô hình tổ chức

bộ máy còn chồng chéo (6) Chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước cho các KKT còn dàn trải. (7) KKT được thành lập khi chưa đáp ứng đầy đủ các yếu tố cần thiết cho phát triển. (8) Cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực vừa thiếu vừa yếu.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

3.1. Điều kiện của tỉnh Quảng Ninh tác động quan trọng đến phát triển khu kinh tế

3.1.1. Tiềm năng, lợi thế

Quảng Ninh có vị trí địa chiến lược, đây là cơ hội lớn để phát triển toàn diện, có khả năng hội nhập quốc tế sâu rộng; tỉnh duy nhất có đường biên giới trên bộ và trên biển (trên bộ 120 km, trên biển 191 km); tỉnh duy nhất có 4 thành phố trực thuộc. Nhiều cảnh quan nổi trội “có một không hai”, là cơ hội phát triển các loại hình du lịch (biển đảo, sinh thái, văn hóa lịch sử...) và hướng đến phát triển ngành công nghiệp văn hóa - giải trí. Nguồn tài nguyên khoáng sản giàu có, nhất là than đá, đá vôi, đất sét. Con người và xã hội Quảng Ninh là nơi hội tụ, giao thoa, sự thống nhất trong đa dạng của nền văn minh sông Hồng.

3.1.2. Thành tựu, ưu điểm

Kinh tế tăng trưởng cao; Thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng phát huy hiệu quả; Cơ cấu lại các ngành công nghiệp theo hướng đổi mới, sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao; Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ;

Xây dựng thể chế và cải cách hành chính được chỉ đạo quyết liệt từ tỉnh đến cơ sở; Chất lượng nguồn nhân lực không ngừng được nâng lên; Môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện; Tập trung triển khai 7 quy hoạch chiến lược.

Văn hóa, xã hội nhiều tiến bộ; an sinh xã hội được đảm bảo. Chất lượng giáo dục tiếp tục chuyển biến tích cực. Công tác đối ngoại được triển khai đồng bộ, toàn diện, ngày càng mở rộng.

3.1.3. Hạn chế, yếu kém

Kinh tế phát triển chưa tương xứng với những tiềm năng nổi bật (dịch vụ thương mại, du lịch); *Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ*, phát triển công nghiệp và đô thị “nóng” để lại hậu quả môi trường; khoa học và công nghệ còn thiếu, yếu và hạn chế; *Nguồn nhân lực còn thiếu*, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. *Lĩnh vực văn hóa, xã hội* nhiều thiết chế văn hóa cơ sở xuống cấp, lạc hậu. Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ hộ nghèo tập trung nhiều ở vùng sâu, vùng xa.

Nguyên nhân chủ quan: Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước một số lĩnh vực còn hạn chế. Tiến trình đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế còn chậm. Chính sách trọng dụng nhân tài và mức đãi ngộ còn khó khăn. Công tác quản lý quy hoạch ở một số địa phương chưa tốt. *Nguyên nhân khách quan:* thiếu nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng; ưu tiên nguồn lực của Nhà nước chưa tương xứng với nhiệm vụ. Cơ chế, chính sách được áp dụng trong các KKT chưa có tính cạnh tranh ở cấp khu vực và quốc tế.

3.1.4. Bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

Bối cảnh quốc tế: Hoà bình, hợp tác, hội nhập và phát triển vẫn là xu thế lớn. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng. Sự phát triển nhanh của KHCN, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới,... Toàn cầu hóa trên tất cả các mặt đời sống, văn hóa, chính trị, kinh tế xã hội. Hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường vẫn là xu hướng chủ đạo. Hội nhập quốc tế của nước ta ngày càng sâu rộng, nhất là hội nhập kinh tế.

Bối cảnh trong nước: Việt Nam sau hơn 30 năm đổi mới, đã đạt được những thành tựu toàn diện, song vẫn còn nhiều tồn tại trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, là những thách thức chưa thể khắc phục ngay trong thời gian ngắn. Quảng Ninh là một trong những trung tâm công nghiệp, du lịch, dịch vụ của đất nước, là địa bàn có kinh tế - xã hội phát triển đa dạng, hội nhập cao nên chịu tác động rất lớn. Đội ngũ doanh nhân có bước trưởng thành đáng kể...

3.1.5. Một số căn cứ pháp lý liên quan đến phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(1) Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14/9/2005 của Bộ Chính trị về phát triển KTXH và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng năm 2020. (2) Kết luận số 47-KL/TW ngày 06/5/2009 của Bộ Chính trị về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XII và những chủ trương, giải pháp phát triển tỉnh Quảng Ninh đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. (3) Thông báo số 108-TB/TW ngày 01/10/2012 của Bộ Chính trị về Đề án “Phát triển KTXH nhanh, bền vững; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và thí điểm xây dựng 2 đơn vị HC-KT đặc biệt Vân Đồn, Móng Cái”.

3.2. Thực tiễn phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

3.2.1. Việc triển khai các mô hình phát triển khu kinh tế

Từ năm 1996, Chính phủ cho áp dụng thí điểm một số cơ chế chính sách tại cửa khẩu Móng Cái theo Quyết định số 675/QĐ-TTg ngày 18/9/1996. Quảng Ninh tiếp tục thành lập: *Khu kinh tế ven biển* Vân Đồn (huyện Vân Đồn). *Khu kinh tế cửa khẩu*: (1) Móng Cái (thành phố Móng Cái); (2) Hoành Mô - Đồng Văn (huyện Bình Liêu); (3) Bắc Phong Sinh (huyện Hải Hà).

Cũng như các KKT ở các địa phương khác, các mô hình phát triển KKT trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hướng tới phát triển các ngành, lĩnh vực khác nhau nhưng lợi thế cạnh tranh của các mô hình đều được xây dựng dựa trên nguyên tắc phát huy các lợi thế về quy mô, hình thành các khu sản xuất tập trung. Tập trung vào các yếu tố lợi thế: (1) tính đồng bộ của cơ sở hạ tầng kỹ thuật, (2) yếu tố địa kinh tế, (3) địa bàn thuận lợi để phát triển sản xuất, cung cấp dịch vụ và thu hút đầu tư. Việc quản lý các KKT được tổ chức theo 03 cấp.

Những năm gần đây, với sự năng động và chủ động, Quảng Ninh đã xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, nâng cao chất lượng nhân lực. Đây là quá trình đổi mới quan trọng từ mô hình phát triển KKT đơn giản sang đa mục tiêu và toàn diện hơn.

3.2.2. Tình hình phát triển các khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

3.2.2.1. Xây dựng và đề xuất các cơ chế chính sách phát triển các khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Tỉnh Quảng Ninh rất tích cực nghiên cứu các giải pháp phát triển, đi đầu trong việc xây dựng chính sách kêu gọi đầu tư. Các cơ chế chính sách được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn; cụ thể như Quyết định số 2339/2013/QĐ-UBND ngày 06/9/2013 về việc ban hành chính sách hỗ trợ và ưu tiên đầu tư vào các KCN, KKT trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

3.2.2.2. Tình hình xây dựng, điều chỉnh và triển khai các quy hoạch phát triển trong các khu kinh tế

KKT CK Móng Cái: đã cơ bản hoàn thành các quy hoạch: (1) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội (2) Quy hoạch chung xây dựng (3) Quy hoạch Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc. *Quy hoạch KKT Hải Hà, KKT CK Hoàn Kiếm – Đồng Văn và Bắc Phong Sinh* đều đã được ban hành, triển khai thực hiện. *Quy hoạch Khu kinh tế Vân Đồn* đã được hoàn thiện và được cập nhật, điều chỉnh: Quyết định 1856/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 Quy hoạch tổng thể Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3.2.2.3. Tình hình đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

Trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và quy hoạch phát triển các khu kinh tế gắn với các địa phương trên địa bàn tỉnh, Quảng Ninh quan tâm đề xuất, chủ động bố trí ngân sách địa phương và tích cực trong thu hút, khai thác các nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng.

Nguồn vốn ngân sách Nhà nước: bao gồm: vốn chương trình phát triển kinh tế xã hội các vùng; chương trình tránh trú bão; hạ tầng du lịch; chương trình 134; chương trình 135; chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển; hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu; Vốn trái phiếu Chính phủ...

Nguồn vốn ngoài ngân sách: Quảng Ninh năng động huy động được các nguồn lực khác để tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, bước đầu đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ trên địa bàn. *KKTCK Móng Cái:* giai đoạn 2012 - 2017, tập trung nguồn lực đầu tư 327 công trình, hạng mục công trình với tổng mức đầu tư là 2.152,024 tỷ đồng. *KKTCK Bắc Phong Sinh* và

KKTK Hoành Mô - Đồng Văn: đạt kết quả bước đầu. *KKT Vân Đồn*: 50 dự án với tổng vốn đầu tư đạt 131,392 triệu USD và 12.950,093 tỷ đồng, trong đó có dự án cảng hàng không với tổng vốn đầu tư 6.759 tỷ đồng.

3.2.2.4. Tình hình thu hút đầu tư vào các khu kinh tế

Đến năm 2018, các KKT cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có 93 dự án đầu tư (18 dự án FDI và 75 dự án trong nước) còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký đạt 292,8 triệu USD và 9.594,896 tỷ đồng. KKT ven biển Vân Đồn đến nay có 75 dự án đầu tư vốn ngoài nguồn ngân sách với tổng số vốn đầu tư đăng ký đạt trên 9.800 tỷ đồng.

3.2.2.5. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các khu kinh tế

Sau hơn 20 năm từ khi thực hiện Quyết định 675/TTg; đến nay, hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu diễn ra rất sôi động. *KKTK Móng Cái*: phát triển các lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, có trên 1.000 doanh nghiệp hoạt động đa dạng, trên 5.250 hộ kinh doanh. *KKTK Bắc Phong Sinh*: hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu theo hình thức biên mậu. *KKTK Hoành Mô - Đồng Văn*: hoạt động xuất nhập khẩu, chợ cửa khẩu Hoành Mô và Đồng Văn với khoảng 300 hộ kinh doanh. *Kim ngạch xuất nhập khẩu* tăng trưởng khá qua các năm. *Về thu ngân sách tăng đều*. Các KKT cửa khẩu còn là điểm thu hút khách du lịch, như *KKTK Móng Cái* lượt khách du lịch tăng bình quân 16,9%/năm; doanh thu từ du lịch tăng bình quân 22%/năm. *Số lao động làm việc* trong KKT tăng rất nhanh. *Về bảo vệ môi trường* các doanh nghiệp có ý thức chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, thu gom và hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải theo quy định.

3.2.3. Tổng hợp chung về một số kết quả đạt được, tồn tại hạn chế và nguyên nhân

3.2.3.1. Những kết quả đạt được: (1) Các KKT đã góp phần vào đổi mới môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh Quảng Ninh. (2) thu hút được lượng vốn lớn đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật và sản xuất kinh doanh. (3) Các KKT giúp thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp, hình thành một số ngành công nghiệp trọng điểm. (4) Các KKT có đóng góp quan trọng phát triển kinh tế - xã hội.

3.2.3.2. Tồn tại, hạn chế: (1) Cơ chế quản lý còn bất cập: Ban quản lý KKT là cơ quan đầu mối quản lý về KKT tại địa phương, chính quyền cấp huyện quản lý theo lãnh thổ, theo lĩnh vực. (2) Ưu đãi đầu tư cho các KKT đã được quan tâm nhưng chưa thực sự hấp dẫn. (3) Việc huy động các nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng các KKT còn khó khăn. (4) Liên kết kinh tế trong phát triển chưa hiệu quả: giữa các doanh nghiệp trong KKT và giữa các KKT với kinh tế địa phương bên ngoài. (5) Sản xuất trong KKT đặt ra thách thức về môi trường như không khí, tiếng ồn, chất thải.

3.2.3.3. Nguyên nhân: (1) quy hoạch KKT chưa liên kết chặt chẽ với quy hoạch vùng. (2) Đầu tư dàn trải, thiếu sự đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, xã hội. (3) Tiến độ đầu tư hạ tầng chưa đạt yêu cầu do quy mô nguồn vốn nhỏ. (4) Việc phân cấp, ủy quyền cho Ban quản lý chưa đầy đủ, nhất quán. (5) Thu hút đầu tư sản xuất, kinh doanh vào các KKT gặp nhiều khó khăn.

3.3. Đánh giá các yếu tố tác động đến phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

3.3.1. Yêu cầu đổi mới

Mô hình KKT hiện nay tồn tại nhiều hạn chế, đang đối diện với thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế. Việc nghiên cứu mô hình KKT mới với những thuận lợi, hấp dẫn hơn đối với nhà đầu tư, khắc phục những tồn tại, hạn chế của các mô hình hiện nay là hết sức cần thiết.

3.3.2. Đánh giá mức độ tác động của các yếu tố liên quan đến mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Có nhiều yếu tố tác động nhiều mặt đến việc triển khai các mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. (1) Kiến tạo và phát triển mô hình KKT (2) Thu hút các nguồn lực đầu tư, tiếp thu khoa học công nghệ, tận dụng hiệu quả phân công lao động quốc tế. (3) Phát huy, khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh, các nguồn lực của địa phương. (4) Gắn với các yếu tố của thời đại, đi đầu tiếp thu thành tựu của cách mạng công nghiệp (5) Tạo việc làm, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao đời sống nhân dân. (6) Tham gia hội nhập, thúc đẩy quá trình tăng trưởng xanh, kinh tế xanh, xanh hoá sản xuất.

3.3.3. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến đổi mới mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

3.3.3.1. *Tác động tích cực*: Thúc đẩy phát triển kinh tế, Cải thiện môi trường, đầu tư kinh doanh; Phát triển nguồn nhân lực và trình độ khoa học công nghệ; Mở rộng thị trường và đối tác; Tạo việc làm, giải quyết tốt các vấn đề xã hội; Thúc đẩy thay đổi cơ chế, chính sách; Giao lưu văn hoá; Thúc đẩy cải cách thể chế; Phát huy vai trò quốc gia; Giải quyết vấn đề chung toàn cầu.

3.3.3.2. *Tác động tiêu cực*: Tác động xấu đến kinh tế - xã hội; Mất cân đối và bất ổn; Gia tăng khoảng cách giàu nghèo; Thách thức đối với sử dụng tài nguyên và môi trường; Ổn định chính trị; Sự tấn công của văn hoá ngoại lai; Đảm bảo an ninh.

CHƯƠNG 4: ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

4.1. Bối cảnh và dự báo xu hướng tác động đến đổi mới mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030

Việc đổi mới mô hình phát triển khu kinh tế đã trở thành mối quan tâm lớn, coi đây là động lực mạnh mẽ thúc đẩy tiến trình cải cách kinh tế và hội nhập; vai trò ngày càng quan trọng của hợp tác công - tư (PPP).

Với nhiều thành công trong phát triển kinh tế - xã hội, sở hữu những tiềm năng, thế mạnh rõ nét; Quảng Ninh đang là địa phương có quyết tâm chính trị nổi bật và nhiều sáng tạo trong đổi mới các mô hình phát triển kinh tế.

4.2. Lựa chọn mô hình phát triển khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới

4.2.1. Quan điểm lựa chọn mô hình

(1) Xây dựng mô hình phát triển KKT có nền hành chính hiện đại, bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, thủ tục hành chính thuận lợi; cơ chế, chính sách ưu đãi vượt trội, cạnh tranh quốc tế. (2) Đặt trong quy hoạch tổng thể và môi liên kết phát triển khu vực và cả nước. Đảm bảo phát triển bền vững với nền kinh tế độ mở cao. (3) Xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Thu hút mạnh đầu

tư, nhất là nguồn lực sáng tạo, phương thức quản lý mới tiên tiến. (4) thu hút, đào tạo nguồn nhân lực. (5) Quyết tâm cao, năng động, sáng tạo triển khai thực hiện và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

4.2.2. Mục tiêu của xây dựng mô hình phát triển mới khu kinh tế

(1) Phát huy, khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh, các nguồn lực của địa phương. (2) Thu hút các nguồn lực đầu tư, tiếp thu khoa học công nghệ, tận dụng hiệu quả phân công lao động quốc tế. (3) Kiến tạo và phát triển mô hình KKT là nhân tố kích thích, xúc tác, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương theo hướng bền vững, hội nhập. (4) Tạo việc làm, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao đời sống nhân dân. (5) Tham gia sâu vào tiến trình hội nhập, thích ứng với xu hướng tự do hoá; thúc đẩy quá trình tăng trưởng xanh, kinh tế xanh, xanh hoá sản xuất. (6) Gắn với các yếu tố của thời đại, đi đầu tiếp thu thành tựu của cách mạng công nghiệp và những tiến bộ khoa học kỹ thuật.

4.2.3. Đề xuất mô hình phát triển mới khu kinh tế trên địa bàn tỉnh

Quảng Ninh

Xây dựng khu kinh tế với *mô hình phát triển mới* có nền hành chính hiện đại, bộ máy tinh gọn, hiệu lực hiệu quả; cơ chế, chính sách ưu đãi; thủ tục hành chính thuận lợi; *thí điểm áp dụng mô hình quản trị tư nhân đối với khu kinh tế. Mô hình phát triển mới*: vận hành theo cơ chế thị trường hiện đại; hướng ngoại, độ mở cao.

Để đạt được các mục tiêu đổi mới mô hình phát triển KKT phải dựa trên các nguyên tắc: (1) Phát triển con người, đảm bảo và cải thiện dân sinh làm mục đích. (2) Thử nghiệm, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế xanh, công nghiệp giải trí làm định hướng. (3) Cải cách thể chế, cơ chế, chính sách và biện pháp điều hành linh hoạt làm đột phá. (4) Phát triển hạ tầng, cải cách hành chính đồng bộ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao làm nền tảng. (5) Ứng dụng, chuyển giao và làm chủ KHCN, tăng năng suất và định hướng thị trường làm động lực. (6) Phát triển văn hóa, xây dựng văn minh sinh thái, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường làm trọng điểm. (7) Mở cửa - hợp

tác làm sáng tạo, lấy sáng tạo để phát triển bền vững. (8) Phát triển kinh tế để góp phần giữ vững QPAN và ngược lại.

4.2.4. Cách thức thúc đẩy các yếu tố của mô hình phát triển mới khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

4.2.4.1. Công tác lãnh đạo chỉ đạo, xây dựng thể chế

(1) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo: Thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh. Nâng cao nhận thức, chỉ đạo nghiên cứu, đổi mới phương thức lãnh đạo và công tác tổ chức quản lý, điều hành theo mô hình mới. (2) Xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy và Đề án nhân sự KKT. (3) Tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động. Cải cách thủ tục hành chính thống nhất, đơn giản, tinh gọn và công khai quy trình.

4.2.4.2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

(1) Đẩy mạnh thu hút nhân tài; tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức; bồi dưỡng trong và ngoài nước; (2) Xây dựng cơ chế thu hút và trọng dụng nhân tài; biểu dương khen thưởng kịp thời và xứng đáng. Xây dựng đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực của KKT. Ưu tiên đầu tư các trường đại học và dạy nghề trên địa bàn tỉnh; có thể ưu tiên thực hiện trước đối với Vân Đồn và Móng Cái theo lộ trình. (3) Xây dựng chính sách ưu đãi và ngành nghề đào tạo phù hợp để thu hút lao động. (4) Liên kết với các cơ sở đào tạo hàng đầu trong nước và nước ngoài. (5) Nghiên cứu xây dựng “khu nhân tài” thuộc KKT. (6) Quan tâm xem xét bố trí kinh phí đào tạo, thu hút.

4.2.4.3. Phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội

(1) *Lĩnh vực văn hóa - thể thao*: xây dựng, phát triển văn hóa có bản sắc, nền tảng tinh thần bền vững. Thu hút đầu tư để xây dựng một số thiết chế văn hóa, thể thao tầm cỡ; phát huy giá trị di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh và lễ hội truyền thống của địa phương thành sản phẩm du lịch có thương hiệu; xây dựng, phát triển ngành công nghiệp văn hóa - công nghiệp giải trí.

(2) *Lĩnh vực giáo dục, y tế*: quan tâm đầu tư công nghệ cao cho giáo dục, y tế từ ngân sách và ngoài nhà nước. Phát triển các dịch vụ y tế hiện đại và xây dựng bệnh viện quốc tế. Phát triển giáo dục chất lượng cao và xây dựng trường

đại học đa ngành quốc tế và thu hút các trường đại học và viện nghiên cứu nổi tiếng trên thế giới mở phân hiệu, phân viện tại KKT.

(3) *Về giảm nghèo và việc làm*: phấn đấu giảm tối đa hộ nghèo theo chuẩn quốc gia, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo. Chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp. Xây dựng giải pháp tăng dân số cơ học phục vụ phát triển kinh tế.

4.2.4.4. Phát triển khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

Xây dựng lộ trình và kế hoạch phát triển KHCN. Tập trung ứng dụng, chuyển giao và làm chủ công nghệ. Phát triển và ứng dụng trong giao dịch điện tử; phát triển chính quyền điện tử hiện đại; đẩy mạnh triển khai các dịch vụ trực tuyến. Phát triển công nghệ sinh học, bảo vệ đa dạng sinh học; xử lý ô nhiễm môi trường, công nghệ vật liệu mới, ứng dụng công nghệ sản xuất sạch, công nghệ thân thiện với môi trường.

4.2.4.5. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ

Hoàn thiện quy hoạch và đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng KKT đồng bộ, hiện đại gắn với quy hoạch hạ tầng chung của Quảng Ninh. Đẩy mạnh xã hội hóa để khuyến khích đầu tư, xây dựng các dự án động lực. (1) Phát triển hạ tầng du lịch cao cấp, công nghiệp giải trí; các dịch vụ tài chính, ngân hàng hiện đại; y tế, giáo dục chất lượng cao; triển khai thực hiện đô thị thông minh. (2) Tập trung đầu tư hạ tầng giao thông; khu vực cửa khẩu, các bến tàu du lịch, cảng du lịch và du thuyền. (3) Hoàn thiện hệ thống điện lưới quốc gia. (4) Đầu tư xây dựng một số hồ chứa, đập, kết hợp các bể chứa nước mưa. (5) Xây dựng trung tâm tài chính - ngân hàng. (6) kết nối đa dạng với quốc tế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và toàn bộ nền kinh tế. (7) Phát triển hạ tầng giáo dục, đào tạo từ mầm non đến đại học đạt chuẩn. (8) Xây dựng bệnh viện quốc tế; hình thành các trung tâm nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe chất lượng cao, trang thiết bị hiện đại. (9) triển khai xây dựng các khu du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái biển - đảo; hệ thống khách sạn cao cấp; trung tâm hội nghị quốc tế; trung tâm thương mại.

4.2.4.6. Huy động các nguồn lực tài chính

Đối với nguồn vốn ngoài ngân sách: thực hiện các giải pháp tổng thể để thu hút nguồn lực đầu tư, đặc biệt là nguồn lực đầu tư nước ngoài. Đa dạng hóa các hình thức đầu tư (BOT, BTO, BT, PPP...) tại các KKT. *Đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước:* đề xuất được hưởng cơ chế hạch toán theo phương án giảm tỷ lệ điều tiết ngân sách về Trung ương (thuế xuất khẩu than, thuế xuất nhập khẩu của tỉnh). *Huy động nguồn lực từ đất từ* kinh nghiệm thành công của các KKT như KKT Thâm Quyển và các Khu kinh tế tự do của Dubai.

4.2.4.7. *Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư*

Xúc tiến đầu tư tập trung, có trọng điểm, phù hợp với mục tiêu và cơ cấu ngành nghề theo từng giai đoạn phát triển của KKT: Xây dựng quỹ xúc tiến đầu tư bằng hình thức xã hội hóa. Tập trung liên kết, tìm kiếm các đối tác và các nhà đầu tư chiến lược: hợp tác với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore,... để cùng đầu tư xây dựng và phát triển KKT hoặc hợp tác với các tập đoàn lớn.

4.2.4.8. *Giải pháp về cơ chế, chính sách*

(1) Về tài chính, tiền tệ, ngân hàng: các cơ chế chính sách tài chính, tiền tệ, ngân hàng đảm bảo tính ưu đãi, cạnh tranh quốc tế. (2) Về chính sách ưu đãi thuế: thực hiện nguyên tắc giảm trước thu sau; giảm thuế và tăng thu các khoản phí và lệ phí. (3) Ưu đãi về tiền thuê đất và mặt nước: các dự án đầu tư vào KKT được hưởng các ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước phù hợp với mục tiêu phát triển KKT, của tỉnh và các quy định của pháp luật. (4) Chính sách về đất đai và nhà ở: trong khung khổ pháp lý (không quá 70 năm). Thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đặt trụ sở, chi nhánh tại KKT. (5) Chính sách về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Ưu tiên xây dựng các trường đào tạo nghề, Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi để liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài, thực hiện đào tạo nghề trình độ cao theo tiêu chuẩn quốc tế. (6) Chính sách xuất nhập cảnh và giải quyết tranh chấp: xây dựng hệ thống thông quan tiện lợi. (7) Cơ chế đầu tư nguồn ngân sách nhà nước và công tác quy hoạch: ngân sách hỗ trợ đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng, (8) Cơ chế chi thường xúc tiến đầu tư: xây dựng Quỹ Xúc tiến đầu tư do cơ quan quản lý KKT quản lý.

4.2.4.9. Đảm bảo quốc phòng, an ninh; mở rộng đối ngoại; đẩy mạnh liên kết vùng và quản lý dân cư

(1) Đảm bảo quốc phòng, an ninh, kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng an ninh với phát triển kinh tế. (2) Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại. (3) Đẩy mạnh liên kết vùng, liên kết phát triển cơ sở hạ tầng giao thông. Xây dựng các KKT trong chuỗi sản phẩm du lịch, công nghiệp giải trí, sinh thái, môi trường.

4.2.4.10. Đổi mới hệ thống chính trị và xây dựng tổ chức chính quyền

Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ; tinh giản biên chế; giảm cán bộ công chức cấp huyện; giảm cán bộ không chuyên trách cấp xã; giảm cán bộ không chuyên trách thôn, khu thụ; giảm cán bộ công chức cấp xã.

4.3. Các điều kiện để thực hiện thành công mô hình phát triển mới khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(1) *Về cơ chế chính sách kinh tế - xã hội*: Quy định chính sách về thuế, tài chính, ngân hàng, đất đai, đầu tư, thương mại, nhà ở, thu hút nguồn nhân lực, lao động, tiền lương... với mức ưu đãi phù hợp và thuận lợi. (2) *Về bộ máy hành chính*: Quy định rõ chức năng nhiệm vụ của cơ quan quản lý KKT và chính quyền địa phương; để thống nhất, không chồng chéo. (3) *Về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu*: Hoàn thiện quy hoạch và đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng KKT đồng bộ, hiện đại gắn với quy hoạch hạ tầng chung của Quảng Ninh. Xác định danh mục các dự án kết cấu hạ tầng thiết yếu để tập trung đầu tư.

4.4. Một số kiến nghị cụ thể với các cơ quan Nhà nước

(1) Xây dựng và hoàn thiện các quy hoạch, có điều kiện cần được thuê đơn vị tư vấn nước ngoài thực hiện. (2) Nghiên cứu, đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách cụ thể. (3) Kiện toàn Ban chỉ đạo của tỉnh Quảng Ninh về xây dựng KKT. (4) Xây dựng kế hoạch và cân đối vốn hỗ trợ đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của khu kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư, ngân sách nhà nước. (5) Giải quyết những vấn đề của quá trình thúc đẩy mô hình phát triển khu kinh tế mới mang lại. (6) Cân nhắc tập trung nghiên cứu đổi mới mô hình KKT trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo 2 hướng: chuyển KKT Vân Đồn thành đặc khu

kinh tế, phát triển KKT Móng Cái – Hải Hà theo hướng là mô hình KKTCK kết hợp KKTVB hoặc KKT xuyên biên giới.

KẾT LUẬN

Việc triển khai các mô hình KKT trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã đặt ra yêu cầu khách quan phải có những đổi mới sâu sắc, nhất là trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Luận án có những kết quả đạt được như sau:

(1) Hệ thống được cơ sở lý luận về mô hình phát triển khu kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế.

(2) Nghiên cứu lý luận chuyên ngành kinh tế phát triển, kinh nghiệm xây dựng và phát triển khu kinh tế trên thế giới và trong nước; đề xuất, đánh giá các yếu tố trụ cột tác động quan trọng tới mô hình phát triển khu kinh tế.

(3) Phân tích và đánh giá thực trạng tình hình phát triển các khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

(4) Đề xuất định hướng phát triển, mô hình và phương thức thúc đẩy, giải pháp phát triển khu kinh tế tỉnh Quảng Ninh trong hội nhập kinh tế quốc tế.

(5) Một số đề xuất, kiến nghị cần thiết.

Bên cạnh những kết quả đạt được, luận án không thể tránh khỏi những hạn chế trong nội dung nghiên cứu do kiến thức, thời gian, điều kiện công việc, phương pháp cũng như số liệu mà tác giả tiếp cận được. Những tồn tại, hạn chế cũng chính là nhiệm vụ nghiên cứu tiếp theo của luận án.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Lê Hồng Giang (2011), *Phát triển kinh tế địa phương gắn với phát triển doanh nghiệp*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 8 (496), tr. 43 - 44.
2. Lê Hồng Giang (2011), *Chính sách phát triển cụm ngành ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Quản lý kinh tế, (42), tr. 36 - 40.
3. Lê Hồng Giang (2017), *Phát huy vai trò của doanh nghiệp và cơ sở giáo dục đào tạo trong phát triển nhân lực ở các khu kinh tế trong quá trình hội nhập*, Tạp chí Việt Nam hội nhập, (24), tr. 93 - 95.
4. Lê Hồng Giang (2017), *Kinh nghiệm thành công của các khu kinh tế trên thế giới và gợi mở cho Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, (17), tr. 6 - 58.25
5. Thành viên đề tài khoa học cấp tỉnh “*Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*”, tỉnh Quảng Ninh, hoàn thành nghiệm thu đạt loại khá ngày 04/6/2003.
6. Thành viên đề tài khoa học cấp tỉnh “*Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*”, tỉnh Quảng Ninh, hoàn thành nghiệm thu đạt loại xuất sắc ngày 04/6/2010.